TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 6 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tám.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Rùm Đ, sinh năm 1983; địa chỉ ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Thành T, sinh năm 1983; địa chỉ ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Thạch Thị Rùm Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, chị và anh Lê Thành T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 11/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Sau lễ cưới vợ chồng chung sống đăng ký thường trú tại địa chỉ ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, không chăm lo đến đời sống kinh tế chung của vợ chồng mà hay ghen vô cớ, thường xuyên kiếm chuyện cự cải, mặc dù chị đã nhiều lần giải thích,

khuyên nhủ để vợ chồng cùng vun đắp tình cảm nhưng không đạt kết quả, dẫn đến mất hạnh phúc. Nên chị và anh T sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh T có với nhau 02 con chung tên Lê Thành D, sinh ngày 20/3/2011 và Lê Thạch Thành Đ1, sinh ngày 01/9/2014. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và cháu Đ1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Lê Thành T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về phạm vi xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đã được nhận định giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Đ, anh T là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc là do anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, không chăm lo đến đời sống kinh tế chung của vợ chồng, hay ghen vô cớ, là vi phạm nghiêm trọng tình nghĩa-nghĩa vụ vợ chồng. Chị Đ và anh T có thời gian

dài sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị Đ. Căn cứ vào lời trình bày của chị Đ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa chị Đ và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị Đ và anh T.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét cháu D đã trên 13 tuổi, cháu Đ1 đã trên 09 tuổi, các cháu đều có nguyện vọng được sống với chị Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con của chị Đ. Để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt, cũng như nguyện vọng của các cháu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu D, cháu Đ1 cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận ý kiến của chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết chị Đ phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thạch Thị Rùm Đ và anh Lê Thành T.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Lê Thành D, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2011 và cháu Lê Thạch Thành Đ1, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2014 cho chị Thạch Thị Rùm Đ được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Thạch Thị Rùm Đ không yêu cầu anh Lê Thành T cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Lê Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị Rùm Đ phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0013959 ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Thạch Thị Rùm Đ, vắng mặt anh Lê Thành T. Báo cho chị Đ có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh T vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã L, huyện L: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.